TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-PT
Ngày 18-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tăng

Các Thẩm phán: Ông A Brao Bim

Ông Huỳnh Nguyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18/ 7/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2018/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Bùi Xuân T do có kháng cáo của người bị hại là anh Nguyễn Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- *Bị cáo bị kháng cáo:*

Bùi Xuân T; sinh ngày: 02/8/1968 tại tỉnh Thái Bình; trú tại: thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Số (đã chết) và bà Trần Thị Mừng; chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Ánh và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo là anh lớn nhất trong gia đình có 03 người con; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* anh Nguyễn Văn H; sinh năm: 1977; trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h tối ngày 12/11/2017, Bùi Xuân T đi xe đến Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ để tìm người thuê hái cà phê, khi đến ngôi nhà cũ trước đây (đã bán cho người khác), T dừng xe lại để xem cây cảnh. Lúc này, anh Nguyễn Văn H nhà bên cạnh nghe tiếng chó sủa nên đi ra xem. Thấy anh H, T hỏi cây cảnh của mình đâu, vì trước đó anh H thỉnh thoảng có gọi điện cho T để vào tưới nước cho cây cảnh, anh H trả lời không biết, hai bên lời qua tiếng lại dẫn đến xô xát, đánh nhau. Trong lúc đánh nhau T nhặt được một cục gạch vỡ có bám vữa khô đập một cái vào vùng miệng anh H gây chảy máu, anh H bỏ chạy vào nhà thì T ném cục gạch theo nH không trúng, sau đó T lấy xe định bỏ chạy thì bị anh H chạy ra kéo lại, thấy mọi người kéo ra đông nên T bỏ xe, chạy vào vườn cà phê trốn. Sau đó anh H có đơn đề nghị điều tra, xử lý và giám định thương tích. Ngày 26/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyệnĐđã có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Bùi Xuân T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 149/TgT-TTPY ngày 30/11/2017 của Trung tâm giám định pháp y Sở y tế tỉnh Kon Tum kết luận: sẹo môi trên 7%, gãy 1 phần thân răng II.2 tỷ lệ 0,75%; tổng tỷ lệ thương tích của anh H là 7,69%, làm tròn 8%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo phạm tội: *"Cố ý gây thương tích".*

Áp dụng khoản 1 điều 104, các điểm b, h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự 1999 (nay là khoản 1 điều 134, các điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự 2015), Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 (nay là Điều 65 Bộ luật hình sự 2015). Áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc hội xử phạt bị cáo Bùi Xuân T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Bùi Xân T đối với người bị hại và người có quyền lợi liên quan như sau: bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 6.367.000 đồng, được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyệnĐtheo biên lai số AA/2010/0005533 ngày 16/01/2018, bị cáo còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 3.367.000 đồng; bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Kim Tính số tiền chị Tính bị mất thu nhập trong thời gian chăm sóc anh H là 2.700.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nH không được vượt quá lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/4/2018, người bị hại anh Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt, không cho hưởng án treo đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum có ý kiến như sau:

- Việc kháng cáo của người bị hại là đúng thẩm quyền, thủ tục và thời hạn quy định tại 331,332,333,334 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với kháng cáo đề nghị tăng hình phạt, không cho bị cáo hưởng án treo của người bị hại: Xét thấy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng nào, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án tiền sự. Căn cứ những tình tiết trên, xét thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng là phù hợp với tình tiết, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người bị hại về việc tăng hình phạt, không cho hưởng án treo đối với bị cáo.

- Đối với kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần là 10.000.000 đồng với lý do vết thương ảnh hưởng đến thẩm mĩ và tinh thần, bản án sơ thẩm không buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tiền tổn thất tinh thần: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi bồi thường 10.000.000 đồng, bị cáo chỉ chấp nhận 7.000.000 đồng nH người bị hại không đồng ý, do vậy việc thỏa thuận giữa hai bên không thành. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại không yêu cầu, sau khi xét xử sơ thẩm người bị hại mới có kháng cáo yêu cầu đòi bồi thường tổn thất tinh thần, căn cứ vào tính chất và phạm vi xét xử phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người bị hại.

Người bị hại anh Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H còn trong thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận, bị cáo đã có hành vi dùng cục gạch vỡ có bám vữa khô, là hung khí nguy hiểm đập một cái vào vùng miệng anh H gây thương tích là 8%. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích", cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo khoản 1 điều 104 BLHS là đúng người, đúng tội.

[3] Đối với nội dung kháng cáo đề nghị tăng hình phạt, không cho bị cáo hưởng án treo của người bị hại. Xét thấy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng nào. Theo quy định tại điều 60 BLHS 1999 và hướng dẫn tại khoản 1 điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ/HĐTP-TANDTC ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng là phù hợp, không nặng, không nhẹ và đúng với quy định về án treo.

[4] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng với lý do vết thương ảnh hưởng đến thẩm mĩ và tinh thần, bản án sơ thẩm chưa buộc bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho người bị hại. Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại không yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã không xem xét. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị hại mới có đơn kháng cáo yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổn thất tinh thần, căn cứ vào tính chất và phạm vi của việc xét xử phúc thẩm, hội đồng xét xử phúc thẩm không có thẩm quyền để xem xét. Vấn đề này, cùng với các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến thương tích của người bị hại như việc, bọc răng, thẩm mĩ vết sẹo ở môi chưa được xem xét như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, người bị hại có thể khởi kiện thành một vụ án dân sự riêng.

[5] Về việc áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm: Xét thấy bị cáo đã có hành vi dùng cục gạch vỡ, là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho người bị hại, cấp sơ thẩm đã nhận định nH khi quyết định hình phạt đã không áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 điều 104 đối với bị cáo, mà chỉ áp dụng khoản 1 điều 104 BLHS, đây là thiếu sót cần được bổ sung.

Trong vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi, cấp sơ thẩm cũng đã nhận định nH không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 46 đối với bị cáo theo hướng dẫn tại điểm c mục 5 Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của HĐTP-TANDTC. Mặt khác, việc xử lý vật chứng cấp sơ thẩm còn căn cứ điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự 2003 là không chính xác mà phải căn cứ. điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Đây là những thiếu sót cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, ngày Bộ luật hình sự 2015 chưa có hiệu lực nên phải áp dụng quy định của Bộ luật hình sự 1999, trừ các trường hợp có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tội danh " Cố ý gây thương tích" với cùng tình tiết định khung quy định tại khoản 1 điều 104 Bộ luật hình sự 1999 và khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 có mức hình phạt bằng nhau; mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017 không có lợi hơn cho bị cáo nH cấp sơ thẩm áp dụng cả 2 bộ luật và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội đối với bị cáo là không cần thiết.

[6] Từ những phân tích nêu trên HĐXX xét thấy:

Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

[7] Về án phí:

Vì kháng cáo không được chấp nhận nên người bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Người bị hại không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm đối với khoản tiền yêu cầu bồi thường không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum đối với bị cáo.

Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân T phạm tội *"Cố ý gây thương tích".*

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 104, các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Bùi Xuân T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/4/2018).

Giao bị cáo Bùi Xuân T cho UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Bùi Xân T đối với người bị hại anh Nguyễn Văn H và người có quyền lợi liên quan chị Huỳnh Thị Kim Tính như sau: bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 6.367.000 đồng, được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyệnĐtheo biên lai số AA/2010/0005533 ngày 16/01/2018, bị cáo còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 3.367.000 đồng; bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Kim Tính số tiền chị Tính bị mất thu nhập trong thời gian chăm sóc anh H là 2.700.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nH không được vượt quá lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 điều 136 Bộ luật TTHS; điểm d, Điều 12; điểm đ, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 Ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án:

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2010/0009374 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Anh H được nhận lại 100.000 đồng. Anh H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh KonTum;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án ds huyện Đ;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Tăng